|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT** |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần:** | Kế hoạch vận tải đường sắt F1 |
| **Tên tiếng Anh:** |  |
| **Số tín chỉ:** |  2 tín chỉ |
| **Mã học phần:** |  (theo chương trình đào tạo) |
| **Kết cấu học phần:**  |  (theo phân bổ trong chương trình) |
| **Ngành đào tạo:**  |  Kinh tế vận tải, khai thác vận tải. |

**1. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: Kế hoạch vận tải đường sắt F1
* Mã học phần:
* Ngành/chuyên ngành đào tạo: Kinh tế vận tải / kinh tế vận tải đường sắt;

Khai thác vận tải/ khai thác vận tải đường sắt

* Bậc đào tạo: Đại học Hình thức đào tạo: chính quy tập trung
* Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: : Khoa Vận tải - kinh tế/ Bộ môn Vận tải kinh tế sắt.
* Loại học phần: *Bắt buộc.*
* Yêu cầu của học phần:
	+ Các học phần tiên quyết: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
	+ Các học phần học trước: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
	+ Các học phần học song hành: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
	+ Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*: (Cơ sở vật chất: (VD: projector, loa,…)
* Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động (tiết học tín chỉ):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lý thuyết | Thảo luận | Bài tập | Bài tập lớn | Thực hành | Thí nghiệm | Tự học |
| 24 | 12 |  |  |  |  |  |

**2. Mục tiêu của học phần**

 *2.1. Kiến thức (mô tả các kiến thức của học phần mà người học cần đạt được)*

Sau khi kết thúc khoá học học viên thu nhận được những nguyên tắc lập kế hoạch, phương pháp lập kế hoạch cũng như các kiến thức để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải đường sắt hay kế hoạch sản xuất của các đơn vị thành viên trong ngành Vận tải đường sắt.

 *2.2. Kỹ năng (mô tả các kỹ năng của học phần mà người học cần đạt được)*

Sau khi kết thúc khóa học học viên có thể xây dựng được:

- Kế hoạch sản xuất vận tải đối với các đơn vị thành viên trong ngành vận tải đường sắt.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải đối với các công ty vận tải đường sắt

*2.3. Thái độ, nhận thức: (mô tả các yêu cầu về thái độ, nhận thức về học phần trong ngành/chuyên ngành đào tạo mà người học cần đạt được)*

*Mục tiêu của môn học gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học có được sau khi học môn học:*

***- Mục tiêu về kiến thức người học cần đạt được:***

*+ Nắm được kiến thức sâu rộng của ngành học;*

*+ Nắm được kiến thức cơ bản của các ngành học khác để hiểu và tiếp tục học tập;*

*+ Biết về sự thay đổi của thị trường vận tải đặc biệt là xu hướng phát triển của thị trường vận tải.*

*+ Biết về sự thay đổi và phát triển của công nghệ vận tải trên thế giới và khu vực và biết cách điều chỉnh kế hoạch trên cơ sở có phân tích khoa học;*

*+ Nắm được kiến thức có thể phân tích, thảo luận và bình luận về những biến đổi phức tạp của thị trường vận tải,*

***- Mục tiêu về kỹ năng người học cần đạt được:***

*+ Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được;*

*+ Có kỹ năng làm việc với người khác;*

*+ Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;*

*+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt; Có các kỹ năng tự phát triển giữa xu hướng thay đổi;*

*+ Đánh giá được cách dạy và học.*

***- Mục tiêu về thái độ người học cần đạt được:***

*+ Yêu thích môn học, ngành học mà sinh viên đang theo học;*

*+ Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy môn học;*

*+ Nhìn thấy thái độ của riêng mình;*

*+ Nhìn thấy giá trị xã hội của ngành mình;*

**3. Tóm tắt nội dung học phần (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)**

*Học phần Kế hoạch vận tải đường sắt nhằm trang bị cho học viên những lý luận về hệ thống kế hoạch vận tải đường sắt. Học viên nhận thức được kế hoạch này được lập trên cơ sở nào. Kế hoạch đặt ra phải đáp ứng được những mục tiêu gì. Học viên hiểu được để đạt được mục tiêu trong sản xuất kinh doanh vận tải đường sắt thì cần có một chương trình hành động trên các lĩnh vực: vận dụng phương tiện; lao động tiền lương; thu nhập vân tải; chi phí vận tải…Các kế hoạch được lập ra mang tính hệ thống từ cấp TCT,CT, đến các đơn vị thành viên. Học phần này cũng trang bị cho các học viên phương pháp luận để lập các loại kế hoạch và xác đinh các chỉ tiêu của hệ thống kế hoạch đó.*

**4. Nội dung chi tiết học phần (tên các chương, mục)**

Chương 1: Hệ thống kế hoạch và tổ chức hạch toán sản xuất kinh doanh vận tải đường sắt.

Chương 2: Kế hoạch nhiệm vụ sản xuất của các đơn vị thành viên ngành vận tải đường sắt.

Chương 3: Kế hoạch lao động – tiền lương ngành vận tải đường sắt.

Chương 4: Kế hoạch chi phí vận tải ngành vận tải đường sắt.

**5. Thông tin về giảng viên**

* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ nhất: Cao Minh Trường.
	+ Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính; TS
	+ Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính.
	+ Địa chỉ liên hệ: Bộ môn vận tải kinh tế sắt. ĐHGTVT
	+ Điện thoại: 0912301993 email: truongcm2011@gmail.com
* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ hai: Hoàng Thi Hà.
	+ Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; TS.
	+ Điện thoại: email:
	+ Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính. Bộ môn vận tải kinh tế sắt. ĐHGTVT
	+ Địa chỉ liên hệ: Bộ môn vận tải kinh tế sắt. ĐHGTVT
	+ Điện thoại: email:
* Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

*Ví dụ:*

* *Họ và tên:*
	+ *Chức danh, học hàm, học vị:* ***Tiến sĩ, giảng viên.***
	+ *Thời gian, địa điểm làm việc:* ***Từ …giờ đến … giờ các ngày …, tại phòng …***
	+ *Điện thoại:*  ***.*** *Email:*

*Giảng viên cùng giảng:*

* ***ThS.*** *– Bộ môn*
	+ *Chức danh, học hàm, học vị:* ***Thạc sỹ, giảng viên.***
	+ *Thời gian, địa điểm làm việc:* ***Từ …giờ đến … giờ các ngày …, tại phòng …***
	+ *Điện thoại:*  ***.*** *Email:*

**.............**

**6. Học liệu:** *(giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)*

*6.1. Giáo trình/Bài giảng*

1. Kinh tế và kế hoạch vận tải đường sắt.
2. Kinh tế và kế hoạch vận tải.

 Tối thiểu là một học liệu bắt buộc *(Bài giảng, Giáo trình hiện hành)*.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên*

 - Tài liệu tham khảo xác định cho từng nội dung và hình thức chính của dạy-học. Có thể ghi rõ các phần hoặc các trang quan trọng trong tài liệu tham khảo, giúp sinh viên thuận tiện trong việc nghiên cứu tài liệu.

 - Học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên *(tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, nơi có tài liệu này, websites, băng hình…)*

7**. Hình tổ chức và dạy học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC** | **Ghi chú** |
| GIỜ LÊN LỚP | Thực hành, thực tập | Thí nghiệm | Tự học, tự nghiên cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Chương 1: Hệ thống kế hoạch và tổ chức hạch toán sản xuất kinh doanh vận tải đường sắt.1.1.Nhiệm vụ tổ chức và hoạt động1.2.Hệ thống kế hoạch trong SXKD ngành VTĐS.1,3. Tổ chức hạch toán trong SXKD ngành VTĐS. | **6**123 |  | **3**111 |  |  |  |  |
| Chương 2: : Kế hoạch nhiệm vụ sản xuất của các đơn vị thành viên ngành vận tải đường sắt.2.1. Kế hoạch nhiệm vụ sản xuât các đối với đơn vị trực thuộc cấp TCT2.2. Kế hoạch nhiệm vụ sản xuât các đối với đơn vị thuộc cấp Công ty vận tải. | **6**33 |  | **3**11 |  |  |  |  |
| Chương 3: Kế hoạch lao động – tiền lương ngành vận tải đường sắt.3.1 Kế hoạch lao động.3.2 Kế hoạch tiền lương và quỹ lương. | **6**33 |  | **3**12 |  |  |  |  |
| Chương 4: Kế hoạch chi phí vận tải ngành vận tải đường sắt.4.1 Nội dung chi phí sản xuất vận tải đường sắt.4.2 Nội dung lập kế hoạch chi phí sản xuất vận tải cấp công ty vân tải.4.3 Nội dung lập kế hoạch chi phí sản xuất vân tải cho các đơn vị thành viên. | **6**2 22 |  | **3** 1 11 |  |  |  |  |
| TỔNG | **24** |  | **12** |  |  |  |  |

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau *(trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng bộ môn thông qua)*:

8.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng 15%

* Đi học đầy đủ, đúng giờ ….%
* Chuẩn bị tốt phần tự học ….%

8.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (tỷ trọng 15%)

1. Kiểm tra giữa kỳ
	1. Hình thức: ….. (VD: Bài kiểm tra)
	2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
2. Thí nghiệm, bài tập lớn, thảo luận, thực hành
	1. Hình thức: ….. (VD: báo cáo bài tập lớn)
	2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
3. Thi kết thúc học phần ( 70%)
	1. Hình thức: …… (Tiểu luận, thi viết hoặc thi vấn đáp )
	2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng …. %

**Duyệt**

**Hiệu trưởng Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn**

*(Ký tên) (Ký tên)*  *(Ký tên)*